

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1990.

2. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A sau thời gian tìm hiểu 01 năm, đến ngày 31/10/2012 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình chồng tại tổ 1, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do có nhiều bất đồng quan điểm không giải quyết được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C, bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung đăng ký khai sinh tên Trần Văn Thành N, sinh ngày

08//12/2015 và Trần Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2018. Hiện nay cháu Thành N đang sống cùng ông Trần Văn C, còn cháu Gia B đang sống với bà Trần Thị Kim A. Nay hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Văn Thành N cho ông Trần Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trần Văn Gia B cho bà Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn C và Trần Thị Kim A cùng thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông C và bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000505 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22/4/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung đăng ký khai sinh tên Trần Văn Thành N, sinh ngày 08//12/2015 và Trần Văn Gia B, sinh ngày 03/9/2018. Hiện nay cháu Thành Nhân đang sống cùng ông Trần Văn C, còn cháu Gia Bảo đang sống với bà Trần Thị Kim A. Nay hai bên thỏa thuận giao cháu Trần Văn Thành N cho ông Trần

Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trần Văn Gia B cho bà Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn C và Trần Thị Kim A thống nhất không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn C và Trần Thị Kim A xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Trần Văn C và Trần Thị Kim A xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông C và bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000505 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần Văn C và bà Trần Thị Kim A đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường T, thành phố H;
- (Ông C và bà A ĐKKH số 109, ngày 31/10/2012);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung